

TỔNG QUAN VỀ PHÁP LAM VÀ NHẬN THỨC MỚI VỀ PHÁP LAM HUẾ THỜI NGUYỄN

Trần Đức Anh Sơn*

Trong những di sản văn hóa do triều Nguyễn (1802 - 1945) để lại trên đất Huế có một loại di sản vật thể rất đặc biệt. Đó là *pháp lam*.

Về mặt công năng, pháp lam là một loại vật liệu kiến trúc, cốt làm bằng đồng, bên ngoài có tráng nhiều lớp men nhiều màu; tính năng chịu đựng các tác động ngoại lực, nhiệt độ, tác hại của mưa nắng và thời gian rất cao. Vì thế, loại vật liệu này thường được sử dụng để tạo thành các đồ án trang trí hình khối gắn trên đầu đao, đỉnh nóc, bờ quyết các cung điện; hoặc tạo thành các mảng trang trí phẳng, có hình vẽ phong cảnh, hoa cỏ, chim muông, thơ văn chữ Hán..., thường được gắn trên các dải cổ diềm ở bờ nóc hay bờ mái các cung điện, trên các nghi môn trong hoàng cung và lăng tẩm các vua triều Nguyễn ở Huế.

Về mặt mỹ thuật, pháp lam là những tác phẩm nghệ thuật có tạo hình đa dạng, màu sắc rực rỡ, đề tài trang trí phong phú và sinh động. Những món pháp lam gia dụng, đồ tế tự và những vật dụng bày biện, bài trí bằng pháp lam trong các cung điện, lăng tẩm được xem là những cổ vật quý giá mà triều Nguyễn để lại cho hậu thế.

Từ đầu thế kỷ XX đã có nhiều học giả người Pháp như: Gaide, Henry Peyssonneaux, Richard Orband... đề tâm nghiên cứu về pháp lam của triều Nguyễn và đã công bố các khảo cứu của họ trên *Bulletin des Amis du Vieux Hué (B.A.V.H)*⁽¹⁾. Tuy nhiên, người có công lớn nhất trong việc nghiên cứu và đánh giá giá trị của pháp lam Huế là họa sĩ Phạm Đăng Trí. Bài viết “Quanh các pháp lam Huế, suy nghĩ về màu sắc” của ông in trên *Tạp chí Nghiên cứu Nghệ thuật* vào năm 1982⁽²⁾ chính thức mở ra một trào lưu nghiên cứu về loại hình *vật liệu kiến trúc / kiểu thức trang trí / tác phẩm nghệ thuật / cổ vật* độc đáo này.

Từ đó đến nay đã có thêm hàng chục bài viết về đề tài này của các họa sĩ, nhà nghiên cứu, nhà sưu tầm cổ vật... đăng tải trên nhiều sách báo, tạp chí ở trong và ngoài nước. Những bài khảo cứu này đề cập nhiều vấn đề liên quan đến pháp lam ở

(*) Hội Khoa học Lịch sử Thừa Thiên Huế.

(1) Gaide et Henry Peyssonneaux (1925). “Les tombeaux de Hué: Prince Kiên Thái Vương”. *B.A.V.H.*, No. 1; Richard Orband (1917). “Les Dâu Hồ du tombeau de Tu Đức”. *B.A.V.H.*, No. 2.

(2) Phạm Đăng Trí (1982). “Quanh các pháp lam Huế, suy nghĩ về màu sắc”. *Tạp chí Nghiên cứu Nghệ thuật*. Số 3 (44), tr. 40.

Huế thời Nguyễn (gọi tắt là *Pháp lam Huế*), như: *nguồn gốc, xuất xứ tên gọi pháp lam Huế; các loại hình pháp lam Huế; thành phần thai cốt của pháp lam Huế; nơi khai sinh ra kỹ nghệ chế tác pháp lam; nguyên nhân thất truyền và quy trình phục chế pháp lam Huế thời Nguyễn...*

Tuy nhiên, các bài khảo cứu này cho thấy các nhà nghiên cứu đã không tán đồng trong nhiều vấn đề, như: nguồn gốc danh xưng *pháp lam*⁽³⁾; đặc điểm kỹ thuật và mỹ thuật của pháp lam; việc phân lập các loại hình pháp lam thời Nguyễn ở Huế. Thậm chí, có ý kiến còn nghi ngờ: “*Liệu pháp lam có thực sự được sản xuất ở Huế vào thời Nguyễn không, hay đó là những sản phẩm ngoại nhập?*”.

Là người đề tâm nghiên cứu pháp lam từ nhiều năm qua, tôi may mắn được tiếp cận với nguồn pháp lam rất phong phú đang được trưng bày và bảo quản trong các cung điện, lăng tẩm, bảo tàng ở Huế. Tuy nhiên, do nguồn tư liệu thành văn viết về pháp lam rất ít ỏi, nên những nghiên cứu của tôi chủ yếu dựa vào việc khảo sát trực tiếp các nguồn hiện vật pháp lam, mà thiếu các nguồn tư liệu thành văn để kiểm chứng, bổ túc. Vì thế, những nhận định của tôi về pháp lam Huế trong các bài khảo cứu đã công bố trước đây còn nhiều khiếm khuyết.

Trong khoảng 15 năm trở lại đây, nhờ các chuyến đi nghiên cứu cổ vật ở một số nước như Trung Quốc, Nhật Bản, Đức, Pháp và Bỉ, tôi có dịp tiếp xúc với nhiều cổ vật *pháp lang / pháp lam* do các nước này chế tác trong các thế kỷ XVI - XIX. Đồng thời, tôi cũng được tiếp cận với nhiều nguồn tư liệu viết về loại hình chất liệu - cổ vật đặc biệt này. Vì thế, nhận thức của tôi về *pháp lang* nói chung, *pháp lam thời Nguyễn* ở Huế nói riêng, đã có những thay đổi đáng kể. Dưới đây là những thay đổi trong nhận thức của tôi về pháp lam thời Nguyễn.

1. Về danh xưng *pháp lam*

Năm 1997, trong bài “Nghệ thuật pháp lam Huế” in trên *Thông tin Khoa học và Công nghệ*, tôi có đề cập ý kiến của họa sĩ Phạm Đăng Trí, vốn được nhiều người (trong đó có tôi) tán đồng, về việc vì sao nhà Nguyễn không gọi là *pháp lang* như người Trung Hoa mà gọi là *pháp lam*. “*Đó là vì chữ **lang** 瑯 có âm gần giống với chữ **Lan** 蘭 trong tên chúa Nguyễn Phúc Lan (1635 - 1648), nhất là phát âm theo lối Huế. Vì thế cần phải đọc trại đi để tránh phạm húy...*”⁽⁴⁾.

Nay, tôi xin kiến giải danh xưng này với một góc nhìn khác, nhờ vào những tư liệu mới thu thập:

⁽³⁾ Ngày 18/3/2003, Sở Văn hóa - Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức một cuộc tọa đàm khoa học về danh xưng pháp lam. Sau đó, BTC cuộc tọa đàm đã kiến nghị không nên dùng danh xưng *pháp lam* mà thay bằng cụm từ *đồ đồng tráng men* để định danh loại hình *chất liệu / cổ vật* đặc biệt này.

⁽⁴⁾ Trần Đức Anh Sơn (1997). “Nghệ thuật pháp lam Huế”. *Thông tin Khoa học và Công nghệ*. Số 1, tr. 108.

* Cuốn *Cách cổ yếu luận* 格古要論 do Tào Chiếu 曹詔 biên soạn vào đời Minh, năm Hồng Vũ 21 (1388), cho biết: Những đồ dùng như lư trầm, bình hoa, hộp, chén... có thai cốt bằng đồng, bên ngoài phủ men nhiều màu, thường thấy trong khuê phòng của các khuê nữ quyền quý mà người đời sau gọi là đồ *Cảnh Thái lam* 景泰藍, đương thời gọi là *Quý quốc diêu* 鬼國窯 hay *phật lang khảm* 佛郎嵌, du nhập vào Trung Hoa từ thế kỷ XIII theo vó ngựa viễn chinh của quân Mông Nguyên. Do chúng có nguồn gốc từ xứ Đại Thục⁽⁵⁾ nên cũng gọi là *Đại Thục diêu* 大食窯.

* Cuốn *Cảnh Đức Trấn đào lục* 景德鎮陶錄, biên soạn vào thế kỷ XVIII, trong phần khảo về *Cổ diêu* (quyển 7), có viết về *Đại Thục diêu*, đại ý như sau: *Đại Thục diêu* là đồ của nước Đại Thục, có cốt thai làm bằng đồng, bên ngoài phủ lớp men màu thiên thanh, ngũ sắc sáng bóng... Tương tự đồ *phật lang khảm* 佛郎嵌, không rõ chế tác vào thời nào, cũng gọi là *Quý quốc diêu* 鬼國窯, đến thời nhà Thanh gọi là đồ *phát lam* 發藍, **lại do gọi sai thành pháp lang** 珐瑯⁽⁶⁾.

* Cuốn *Cổ cung tàng kim thuộc thai pháp lang khí* 故宮藏金屬胎珐琅器⁽⁷⁾ do Trần Lệ Hoa 陈丽华 biên soạn, cho biết: *pháp lang* 珐瑯⁽⁸⁾ còn được gọi là *phật lang* 佛郎, *phất lang* 拂郎, *phát lam* 发蓝⁽⁹⁾.

Dựa vào phương pháp chế tạo thai cốt và kỹ thuật thể hiện men màu, họa tiết, Trần Lệ Hoa đã phân chia chế phẩm pháp lang Trung Hoa thành bốn loại:

- *Kháp ti pháp lang* (掐丝珐琅: pháp lang làm theo kiểu ngăn chia ô hộc): Cách làm là dùng những sợi tơ đồng mảnh và nhỏ kết thành các dạng họa tiết gắn lên cốt bằng đồng, rồi trát đầy men pháp lang nhiều màu lên phần trong và ngoài các ô trang trí ấy, đưa vào lò nung đốt nhiều lần, cho đến khi bên ngoài món đồ phủ kín men pháp lam với độ dày thích hợp, thì đem mài nhẵn, rồi mạ vàng các đường chỉ đồng để hoàn chỉnh sản phẩm (Hình 1).

- *Họa pháp lang* (画珐琅: pháp lang làm theo kiểu vẽ trên nền men như các tác phẩm hội họa): Dùng men pháp lang một màu quét trực tiếp lên cốt kim loại,

⁽⁵⁾ *Đại Thục* là tên người Trung Quốc gọi vùng đất Ả Rập - Tây Á vào thời Tống - Nguyên. Vùng đất này nay thuộc Iran và Afghanistan.

⁽⁶⁾ Nguyên văn: 又訛珐瑯 (*hữu ngoa pháp lang*: lại nói sai thành pháp lang).

⁽⁷⁾ 陈丽华 (2002). 故宮藏金屬胎珐琅器. 紫禁城出版社. 北京画中国画印刷有限公司印刷, 新华书店北京发行所发行.

⁽⁸⁾ Chữ *pháp*, cổ văn phồn thể viết là 珐, tân văn giản thể viết là 珐. Chữ *lang* cổ văn phồn thể viết là 瑯, tân văn giản thể viết là 琅. *Hán Việt từ điển* của Thiều Chửu giảng *pháp lang* (珐瑯 = 珐琅) là: *men, một thứ nguyên liệu lấy ở mỏ ra, giống như pha lê, đun chảy ra để mạ đồ cho đẹp và khỏi rỉ*.

⁽⁹⁾ Chữ *phát*, cổ văn phồn thể viết là 發, tân văn giản thể viết là 发. *Hán Việt từ điển* của Thiều Chửu giảng chữ *phát* 發 = 发 gồm 10 nghĩa, trong đó có một nghĩa là: *phát tiết, phân bố ra ngoài*. Chữ *lam* cổ văn phồn thể viết là 藍, tân văn giản thể viết là 蓝, *Hán Việt từ điển* của Thiều Chửu giảng chữ *lam* 藍 = 蓝 có 4 nghĩa, trong đó có một nghĩa là: *màu xanh lam*. *Phát lam* 發藍 = 发蓝 là *phát ra màu xanh lam*.

rồi căn cứ theo màu sắc thiết kế của hoa văn, dùng men pháp lang vẽ nên các họa tiết, sau đó đưa vào lò nung ở nhiệt độ cao. Sản phẩm sau khi đưa ra khỏi lò được mài bóng để hoàn chỉnh. Trên thực tế nhiều họa tiết vẽ trên cốt đồng là nhân vật, phong cảnh với các điển tích lịch sử... (Hình 2).

- *Tạm thai pháp lang* (鑒胎珐琅: pháp lang có cốt được chạm trổ): Cách làm cũng giống *kháp ti pháp lang*, chỉ khác ở chỗ hoa văn tô điểm bên ngoài, cùng cốt món đồ, được khắc lõm xuống khiến đường viền hoa văn nổi lên. Ở phần lõm xuống được phủ đầy men pháp lang, sau khi nung đốt, thì đem mài bóng để hoàn thiện. Các đường nổi trên đồ *tạm thai pháp lang* tuy thô tháp nhưng đạt được sự trang trọng mà mộc mạc trong nghệ thuật (Hình 3).

- *Thấu minh pháp lang* (透明珐琅: pháp lang có phủ lớp men trong bên ngoài): *Thấu minh pháp lang*, còn gọi là *Quảng pháp lang* 廣珐琅, là loại pháp lang có cốt làm bằng vàng, bạc hoặc đồng. Sau khi chạm trổ các đồ án trang trí lên cốt thì tráng lớp men pháp lang nhiều màu dưới lớp men phủ trong suốt, rồi mới đem nung. Do vậy, *thấu minh pháp lang* còn có tên gọi khác là *thieu lam* 燒藍. Loại *pháp lang* này lợi dụng tính chất của lớp men *thấu minh* 透明 hoặc *bán thấu minh* 半透明 để biểu thị sự biến đổi của đồ án hoa văn do độ sáng tối, đậm nhạt mà có (Hình 4).

Trần Lệ Hoa cho biết thêm: *Kháp ti pháp lang* thời Nguyên gọi là *Đại Thực diêu* 大食窑 hay *quỷ quốc khảm* 鬼国嵌, người đời nay thường gọi là *Cảnh Thái lam* 景泰藍⁽¹⁰⁾. *Họa pháp lang* ở Quảng Châu gọi là *Dương từ* 洋瓷. *Tạm thai pháp lang* còn có tên gọi khác là *phát lang khảm* 拂郎嵌, cách làm cũng giống *kháp ti pháp lang*, chỉ khác ở chỗ không dùng các sợi chỉ đồng để tạo hoa văn mà nhờ kỹ thuật khắc lõm (chạm lõng) lên cốt của món đồ để làm nổi bật các đường nét hoa văn. Sử sách Trung Quốc lưu truyền rằng kỹ nghệ chế tác *kháp ti pháp lang* của Trung Hoa phát triển rực rỡ vào đời Minh Cảnh Tông, niên hiệu Cảnh Thái (1450 - 1456), nên đồ *kháp ti pháp lang* đời Minh Cảnh Tông được gọi là đồ *Cảnh Thái lam*, lừng danh muôn đời.

Tuy nhiên, theo Trần Lệ Hoa, do Minh Cảnh Tông chỉ tại vị bảy năm, trong hoàn cảnh đất nước Trung Hoa bị suy kiệt tài lực, nên không thể chế tạo nhiều đồ *Cảnh Thái lam* đặc sắc như lưu truyền. Thực tế, có nhiều món đồ pháp lang hiệu đề *Cảnh Thái niên chế* 景泰年製, nhưng là đồ pháp lang của thời “mạt Nguyên - sơ Minh”, được chấp vá, sửa đổi hiệu đề, rồi gia công nung lại mà thành. Cũng có

⁽¹⁰⁾ Cuốn *Cổ cung tàng kim thuộc tạm thai pháp lang khí* 故宫藏金屬胎珐琅器, do được viết trong thời hiện đại, nên Hán tự trong sách này hoàn toàn viết theo lối giản thể. Ví dụ: *pháp lang* viết là 珐琅, thay vì 珐瑯; *phát lam* viết là 發藍, thay vì 發藍; *Đại Thực diêu* viết là 大食窑 thay vì 大食窯; *Quỷ quốc diêu* viết là 鬼国窑, thay vì 鬼國窯; *Cảnh Thái lam* viết là 景泰藍, thay vì 景泰藍...

một số đồ pháp lang ghi hiệu đề *Cảnh Thái niên chế* nhưng do người đời sau, vì mộ danh Cảnh Thái, mà phỏng chế và ngụy tạo hiệu đề. Song có một thực tế là từ đời Cảnh Thái về sau, người Trung Hoa gọi tất cả những món đồ *kháp ti pháp lang* là *Cảnh Thái lam*.

Từ những tư liệu trên, có thể rút ra các nhận xét sau:

- Nguồn gốc của công nghệ chế tác pháp lang Trung Hoa xuất phát từ nước Đại Thục ở Tây Vực, du nhập vào Trung Hoa từ thế kỷ XIII. Vì thế tên gọi đầu tiên của loại chế phẩm này là *Đại Thục diêu*. Vì là sản phẩm của ngoại quốc, nên người Trung Quốc gọi chúng là *quỷ quốc diêu* (đồ xứ quỷ)⁽¹¹⁾.

- Từ tên gọi ban đầu là *Đại Thục diêu*, hay *quỷ quốc diêu*, qua nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau, những đồ đồng tráng men này được đặt cho nhiều tên gọi khác nhau như: *phát lam*, *phật lang*, *phất lang*, *pháp lang*. Tên gọi *pháp lang* là do từ *phát lam* nói trại ra, bởi nguyên thủy những món đồ này thường được tráng men màu xanh lam.

- Ngày nay, *pháp lang* là tên gọi chung của tất cả các chế phẩm có thai cốt làm bằng đồng, được phủ một hoặc nhiều lớp men màu, rồi đem nung mà thành. Tùy theo phương pháp chế tác thai cốt (dán chỉ đồng hay chạm trở trực tiếp lên cốt đồng) và phương thức tráng men (phủ men vào các ô trống hay trực tiếp vẽ các họa tiết trang trí bằng men màu lên bề mặt cốt đồng) mà người ta phân định chế phẩm pháp lang thuộc một trong bốn loại: *kháp ti pháp lang*, *họa pháp lang*, *tạm thai pháp lang* hay *thấu minh pháp lang*. Riêng đồ *kháp ti pháp lang*, từ đời Minh Cảnh Tông trở đi, thường được gọi là đồ *Cảnh Thái lam*.

- Đối chiếu các nguồn tư liệu trên với sử liệu của nhà Nguyễn, thể hiện qua đoạn chép trong sách *Đại Nam thực lục*: “*Minh Mạng năm thứ 8 (1827)... đặt Tượng cục pháp lam*”⁽¹²⁾, trong đó các chữ *Pháp lam Tượng cục* được các sử gia thời Nguyễn ghi là 珐琅匠局⁽¹³⁾, có thể nhận định như sau:

⁽¹¹⁾ Người Trung Quốc tự xưng tên quốc gia mình là *Trung Hoa* 中華: trung tâm tinh hoa). Họ gọi các lân bang ở phía nam là *man* (蠻: dã man); ở phía bắc là *địch* (狄: rợ); ở phía đông là *di* (夷: mọi); ở phía tây là *nhung* (戎: mọi rợ); gọi các nước khác là *quỷ quốc* (鬼國: xứ ma quỷ); gọi người Tây Âu là *bạch quỷ* (白鬼).

⁽¹²⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1965). *Đại Nam thực lục*. (Tổ biên dịch Viện Sử học). Tập VIII. Nxb Khoa học. Hà Nội, tr. 30.

⁽¹³⁾ Trong bài *Les tombeaux de Hué: Prince Kiên Thái Vương* (Lăng mộ ở Huế: Hoàng tử Kiên Thái vương) của Gaide và Henry Peyssonneaux đăng trên *B.A.V.H.* (No. 1/1925), trong mục *Émaux d'Annam* (p. 34) viết về những trang trí bằng pháp lam ở lăng Kiên Thái Vương có đề cập đến một chỉ dụ của triều đình liên quan đến hoạt động của *Pháp lam Tượng cục*, cũng cung cấp tự dạng của chữ *pháp lam* giống như trong sách *Đại Nam thực lục*. Xem: Gaide et Henry Peyssonneaux (1925). “*Bài đã dẫn*”. *B.A.V.H.*, No. 1, p. 32.

+ Từ tên gọi *phát lam* (發藍 = 发蓝), có liên quan đến *màu lam* hiện hữu trên hiện vật, người Trung Quốc đã nói trại thành *pháp lang* (法郎 = 法琅). Tự dạng chữ *pháp* (法 = 珐) và chữ *lang* (郎 = 琅) trong tên gọi *pháp lang* này đều có bộ *ngọc* (玉) phía trước, trong đó, *lang* (郎 = 琅) là một loại ngọc⁽¹⁴⁾. Khi sản phẩm này du nhập vào Kinh đô Huế dưới thời Nguyễn, chúng được gọi là *pháp lam* (珐璫). Chữ *lam* này được nhà Nguyễn ban thêm bộ *ngọc* 玉 ở đằng trước. Nhiều người cho rằng việc nhà Nguyễn thay đổi tên gọi *pháp lang* thành *pháp lam* nhằm tránh trùng âm với những chữ *quốc húy* của Nguyễn triều⁽¹⁵⁾.

+ Theo tôi, nhà Nguyễn đã rất linh hoạt khi sáng tạo danh xưng *pháp lam* (珐璫), đặc biệt là việc thêm bộ *ngọc* 玉 ở trước chữ *lam* (藍: màu xanh) để tạo thành chữ *lam* (璫: ngọc lam), khiến danh xưng *pháp lam* thời Nguyễn ở Huế vừa tiếp thu giá trị “tôn quý như ngọc” của tên gọi *pháp lang*; vừa giữ được mối liên hệ với chữ *lam* 藍 trong tên gọi *phát lam* 發藍 có từ xưa.

2. Từ *thấu minh pháp lang* đến *shipouyaki*; từ *họa pháp lang* đến *pháp lam*

Như đã đề cập trên đây, người Trung Quốc phân biệt những chế phẩm làm bằng đồng tráng men màu, mà họ gọi chung là *pháp lang*, thành bốn dòng: *kháp ti pháp lang*; *họa pháp lang*; *tạm thai pháp lang* hay *thấu minh pháp lang*. Tuy nhiên, Trung Quốc không phải là quốc gia duy nhất sản xuất pháp lang. Các nước Ba Tư, Nhật Bản, Anh, Pháp... đều sản xuất “pháp lang” và gọi những chế phẩm ấy bằng những cái tên khác nhau: *shipouyaki*⁽¹⁶⁾, *émaux cloisonné*⁽¹⁷⁾, *email peint sur cuivre*⁽¹⁸⁾, *painted enamels*⁽¹⁹⁾...

Shipouyaki 七宝燒 là loại hình pháp lang do Nhật Bản sản xuất. Từ thời mạt Minh (thế kỷ XVII), đồ *kháp ti pháp lang* và đồ *thấu minh pháp lang* của Trung Quốc du nhập vào Nhật Bản và người Nhật nhanh chóng nắm bắt kỹ nghệ chế tác hai dòng *pháp lang* này. Tuy nhiên, do thiên khiếu mỹ thuật riêng biệt, người Nhật chỉ chuyên tâm sản xuất *thấu minh pháp lang* và dùng danh xưng *shipouyaki* để gọi tên những chế phẩm này. *Shipouyaki* là âm Hán - Hòa của ba chữ 七宝燒 (âm Hán - Việt là *thất bảo thiêu*), nghĩa là “bảy thứ quý thiêu đốt mà thành”. Danh xưng này chứng tỏ người Nhật coi *pháp lang* do họ làm ra như những báu vật trân quý.

⁽¹⁴⁾ *Hán Việt từ điển* của Thiều Chửu giảng chữ *lang* (郎 = 琅) như sau: *lang can* 瑯玕: ngọc lang can; *lâm lang* 琳瑯: tiếng ngọc.

⁽¹⁵⁾ Trong bài *Quanh các pháp lam Huế, suy nghĩ về màu sắc*, Phạm Đăng Trí cho rằng do ký âm Lan (瀾) trong tên của chúa Nguyễn Phúc Lan, còn Trần Đình Sơn trong bài *Ngắm pháp lang Bắc Kinh, nhớ về pháp lam Huế*, cho là do ký âm Lan (蘭) trong tên của bà Tống Thị Lan, chính cung của vua Gia Long.

⁽¹⁶⁾ Lý Tân Thới (2003). “Nói thêm về đồ Cảnh Thái lam, Pháp lam, Pháp lang”. *Tạp chí Xưa Nay*. Số 146. Tháng 8.

⁽¹⁷⁾ Musée de l'Union Centrale des Arts Decoratifs (1998). *Cloisonnés de chinois - Guide des collections de Musée des Arts Decoratifs*. Paris.

⁽¹⁸⁾ Gaide et Henry Peyssonneaux (1925). “Les tombeaux de Huế: Prince Kiên Thái Vương”. *B.A.V.H.* No. 1.

⁽¹⁹⁾ Jessica Rowson (2005). *The British Museum Book of Chinese Art*. British Museum.

Tuy tiếp thu công nghệ chế tác *pháp lang* từ Trung Hoa, nhưng đồ *shipouyaki* của người Nhật đạt đến mức thượng thừa về mỹ thuật lẫn kỹ thuật. Điều thú vị là những món *shipouyaki* do người Nhật sản xuất theo công nghệ phỏng chế của Trung Hoa lại được xuất khẩu trở lại vào Trung Quốc và rất được người Hoa ưa chuộng. Triệu Nhữ Trân, một nhà nghiên cứu mỹ thuật người Trung Hoa, tác giả cuốn *Trung Quốc cổ ngoạn đại quan* 中國古玩大觀 đã thừa nhận: “Đồ *pháp lang* (của Trung Hoa - T.Đ.A.S.), không sáng trong óng mượt như đồ *shipouyaki*... Sắc độ *pháp lang* sáng rõ, nhưng không thấu minh. Sắc độ *shipouyaki* nhờ thấu quang dưới lớp pha lê trong suốt nên sáng trong lánh lánh mượt mà”.⁽²⁰⁾ Lý do của sự khác biệt này là do kỹ thuật chế tác: *pháp lang* Trung Quốc dùng chất pha lê tán thành bột rồi trộn với các chất phát màu có gốc kim loại pha với chất dầu thành một thứ hồ nhão, phết lên bề mặt thai cốt khảm chỉ đồng rồi đem nung. Trong khi đó, người Nhật luôn tráng lót một lớp oxide chì hoặc oxide thủy ngân lên cốt để chống rỉ sét, trước khi dùng màu tạo họa tiết, rồi mới đem nung. Nhờ vậy mà đồ *shipouyaki* của Nhật Bản luôn bóng mượt, lộng lẫy.

Trong khi người Trung Hoa thích tạo ra những sản phẩm *pháp lang* có kích thước lớn như lư, đỉnh, vạc, bồn... để tăng sự uy nghi, thì người Nhật lại thích tạo ra những món *shipouyaki* nhỏ nhắn và xinh xắn như bình, lọ, hũ... dùng cho nhu cầu trang trí, bày biện trong nội thất (Hình 5, 6, 7), đặc biệt là các kiểu mai bình vẽ hoa điều và muông thú (Hình 8, 9, 10).

Nếu người Nhật lựa chọn kỹ nghệ chế tác đồ *thấu minh pháp lang* và phát triển thành kỹ nghệ chế tác đồ *shipouyaki* thì các vua triều Nguyễn ở Huế đã tiếp thu kỹ nghệ chế tác *họa pháp lang* để phát triển thành kỹ nghệ chế tác *Pháp lam Huế*.

Kỹ nghệ chế tác *họa pháp lang* khởi nguyên từ vùng Limoges (Pháp) và vùng Battersea (Anh) từ thế kỷ XV. Hai nơi này đã phát minh ra kỹ thuật dùng bút lông để vẽ các họa tiết bằng men màu lên nền cốt đồng đã được xử lý bằng một lớp men lót, rồi đem nung, tạo ra một loại sản phẩm mà người Pháp gọi là *email peint sur cuivre* hay người Anh gọi là *painted enamels*. Kỹ thuật này về sau được các nước Tây Âu khác như Đức, Hà Lan, Ý, thậm chí sang tận Trung Cận Đông... bắt chước, nên ngoài dòng đồ *email peint sur cuivre* lừng danh của vùng Limoges (Pháp) (Hình 11, 12, 13) và dòng đồ *painted enamels* nổi tiếng của xứ Battersea (Anh) (Hình 14) còn có các dòng *painted enamels* khác của Hà Lan (Hình 15), Đức (Hình 16, 17, 18), Ba Tư (Hình 19, 20, 21a, 21b, 21c)...

Vào cuối thế kỷ XVII, các tu sĩ dòng Tên trong hành trình truyền giáo ở phương Đông đã du nhập kỹ nghệ chế tác đồ *painted enamels* vào Trung Hoa

⁽²⁰⁾ Chân thành cảm ơn dịch giả Lý Thân (ở Chợ Mới, An Giang) đã gửi cho tôi bản dịch đoạn văn (được trích dẫn trên đây) trong cuốn *Trung Quốc cổ ngoạn đại quan* 中國古玩大觀.

qua cửa ngõ Quảng Đông. Người Trung Hoa nhanh chóng tiếp thu kỹ nghệ chế tác *painted enamels* của Tây phương và gọi những chế phẩm do họ làm ra theo phong cách này là *họa pháp lang* hay *Dương từ* 洋瓷, nghĩa là “đồ tráng men Tây Dương”. Kỹ nghệ chế tác *họa pháp lang* cũng dùng một lớp men lót tráng lên nền thai cốt, vẽ thêm các họa tiết trang trí bằng men ngũ sắc lên trên nền men lót, rồi đem nung mà thành sản phẩm. Cốt của các món đồ *painted enamels* / *email* / *họa pháp lang* / *Dương từ* này thường làm bằng đồng đỏ, nhưng cũng có những món đồ có thai cốt làm bằng vàng, bạc và đồng thau. Trên cốt này người ta vẽ men nhiều màu bằng một thứ men gốc silic. Phong cách trang trí giống phong cách trang trí của loại đồ sứ Trung Hoa vẽ men nhiều màu trên lớp men phủ (*overglaze*) đương thời. Đồ *họa pháp lang* dành cho vua chúa nhà Thanh được chế tác trong xưởng chế tạo đồ dùng cho hoàng gia do vua Khang Hy thiết lập trong hoàng cung, trong khi, những món đồ *họa pháp lang* dân dụng được sản xuất tại các vùng Tô Châu, Dương Châu và Quảng Đông⁽²¹⁾.

Đặc biệt, từ nửa sau thế kỷ XVIII, Quảng Đông trở thành một địa danh nổi tiếng trong việc sản xuất đồ *họa pháp lang* để xuất khẩu sang các nước phương Tây. Đó là những món đồ có cốt bằng đồng đỏ, được trang trí các motif Trung Hoa như: hoa lá, trái cây, cảnh vật và nhân vật. Về sau, người ta đã áp dụng kỹ thuật đánh bóng và phối cảnh của phương Tây, với các cảnh vật và nhân vật phương Tây, chế tác phỏng theo các vật dụng của phương Tây để phù hợp với thị hiếu của người phương Tây. Cũng từ đây đã khai sinh thuật ngữ *Canton enamels* (pháp lang Quảng Đông)⁽²²⁾, do người phương Tây dùng để gọi tên các món *họa pháp lang* dành cho xuất khẩu này.

Từ Quảng Đông, những món đồ được chế tác theo kỹ nghệ *họa pháp lang* đã theo chân các tàu buôn Trung Hoa đi khắp nơi, theo đó, đã du nhập vào Việt Nam. Tuy chưa tìm được nguồn tư liệu cụ thể nào chứng minh việc các thuyền buôn Trung Hoa đem pháp lang vào bán ở các cảng Thanh Hà - Bao Vinh (Huế) hay Hội An (Quảng Nam), nhưng sự hiện diện của rất nhiều món *Cảnh Thái lam* và *họa pháp lang* mang các niên hiệu Tuyên Đức (1425 - 1434), Khang Hy (1661 - 1722), Càn Long (1735 - 1795)... trong các gia đình quý tộc và thương nhân ở những khu vực này cho thấy pháp lang Trung Quốc đã có mặt ở Huế (và Hội An) trước khi vua Gia Long (1802 - 1820) lập ra triều Nguyễn. Người ta mua pháp lang về làm đồ thờ tự hoặc để bày biện ở phòng khách. Sang đầu thời Nguyễn, quan lại có dịp sang Thanh công cán cũng tìm mua pháp lang Trung Hoa về trưng bày nơi thư phòng.

Bấy giờ ở Huế có ông Vũ Văn Mai, thấy nhu cầu dùng đồ pháp lang trong giới quý tộc và dân chúng xứ Huế trở nên thời thượng, bèn sang Quảng Đông học nghề

⁽²¹⁾ Jessica Rowson (2005). *The British Museum Book of Chinese Art*. British Museum, pp. 188-191.

⁽²²⁾ Jessica Rowson (2005). *The British Museum Book of Chinese Art*. British Museum, p. 191.

làm pháp lang. Về nước, Vũ Văn Mai tâu trình lên vua và được giao cho lập xưởng chế tác pháp lang cho triều đình. Sách *Đại Nam thực lục* của Quốc Sử Quán triều Nguyễn cho hay: “*Minh Mạng năm thứ 8... (1827) đặt Tượng cục pháp lam. Bọn Vũ Văn Mai, thợ vẽ ở Nội Tào, học được nghề làm đồ pháp lam. Bèn sai đặt cục ấy, hạn cho 15 người, thiếu thì mộ mà sung vào*”⁽²³⁾. Huế có lò chế tác pháp lam từ đó.

Kỹ nghệ làm pháp lam vào thời Nguyễn tiếp thu trực tiếp từ kỹ nghệ chế tác *họa pháp lang* của vùng Quảng Đông, chứ không theo kỹ nghệ chế tác *kháp ti pháp lang* ở Bắc Kinh. Quảng Đông là cửa ngõ du nhập công nghệ chế tác *họa pháp lang* từ Âu châu vào Trung Hoa. So với Bắc Kinh, Quảng Đông gần với Việt Nam hơn.

Mặt khác, vào đầu thời Nguyễn, vua Gia Long đã từng mời những người thợ làm gạch ngói giỏi ở Quảng Đông đến Huế để giúp triều đình mở một xưởng sản xuất các loại gạch ngói tráng men nhiều màu sắc ở Long Thọ (ngoại ô Kinh Thành), phục vụ cho nhu cầu kiến thiết và trang trí các cung điện của triều đình⁽²⁴⁾. Vì thế, giữa Quảng Đông và Việt Nam lúc bấy giờ đã có một mối quan hệ nhất định, cho nên việc Vũ Văn Mai và những môn đệ của ông đã học kỹ nghệ chế tác *họa pháp lang* ở Quảng Đông mà không lặn lội lên tận Bắc Kinh để tiếp thu kỹ nghệ chế tác *kháp ti pháp lang* là hợp lý.

3. Các loại hình pháp lam thời Nguyễn ở Huế

Dựa vào nguồn sử liệu của triều Nguyễn và các bài khảo cứu của các học giả người Pháp trên *B.A.V.H*, kết hợp nghiên cứu nguồn cổ vật pháp lam hiện hữu trong các cung điện và bảo tàng ở Huế, có thể nhận thấy rằng: thời điểm khai sinh kỹ nghệ chế tác pháp lam ở Việt Nam là năm 1827; phát triển và hưng thịnh dưới các triều vua Minh Mạng (1820 - 1841), Thiệu Trị (1841 - 1847) và Tự Đức (1848 - 1883); sa sút từ sau thời kỳ “tứ nguyệt tam vương” (1883 - 1885) và dù được phục hồi, chinh đốn dưới triều Đồng Khánh (1885 - 1889) song không thể phục hưng, mà rơi vào suy thoái rồi thất truyền.

Theo nhiều nguồn tư liệu, triều Nguyễn tổ chức chế tác pháp lam ở ba địa điểm: *Pháp lam Tượng cục* đặt ở bên trong Thành Nội (Huế), *Ái Tử* (Quảng Trị) và *Đồng Hới* (Quảng Bình)⁽²⁵⁾.

⁽²³⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1965). *Sđd.* tr. 330.

⁽²⁴⁾ Nhóm thợ gốm Quảng Đông này gồm 4 người, do Hà Đạt dẫn đầu, đến Long Thọ vào năm 1810. Họ đã hướng dẫn đội ngũ lính thợ của triều Nguyễn đang làm việc tại lò Long Thọ các kỹ thuật: xây lò, khai thác nguyên liệu, pha chế men, tạo hình và nung chín sản phẩm. Sau khi hoàn thành công việc, họ trở về nước với nhiều ân thưởng của triều đình. Xem: Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1964). *Đại Nam thực lục*. (Tổ phiên dịch Viện Sử học). Tập IV. Nxb Khoa học. Hà Nội, tr. 11.

⁽²⁵⁾ Bài *Les tombeaux de Hué: Prince Kiên Thái Vương* (Lăng mộ ở Huế: Hoàng tử Kiên Thái Vương) của Gaide và Henry Peyssonneaux đăng trên *B.A.V.H.* (No. 1/1925, p. 32), có công bố một tờ sơ đề niên hiệu Minh Mạng năm thứ 18 của một viên thủ kho ở Võ Khố (cơ quan chủ quản những lò, xưởng, kho của nhà Nguyễn tại Huế). Văn kiện này đề nghị cân những lò, nôi, vại bằng đất nung do ghe chở tới để

Thời gian tồn tại và hoạt động của các xưởng chế tác pháp lam của triều Nguyễn, từ lúc khai sinh đến khi thoái trào và chấm dứt hoàn toàn chỉ hơn 60 năm. Vậy nhưng, di sản pháp lam triều Nguyễn hiện hữu tại các cung điện, lăng tẩm ở Cố đô Huế và trong các bảo tàng, các sưu tập cổ vật tư nhân ở trong và ngoài nước thì khá đồ sộ: vừa phong phú về số lượng, vừa đa dạng về loại hình và kiểu thức, khiến người đời sau phải thán phục.

Tùy vào vị trí hiện hữu, kiểu dáng tạo hình và chức năng sử dụng, có thể phân chia pháp lam do triều Nguyễn chế tác thành hai loại:

3.1. Pháp lam trang trí trên các công trình kiến trúc

Đó là những mảng / khối pháp lam được sử dụng như một loại vật liệu để tạo hình thành những đồ án trang trí ngoài trời, gắn trên các công trình kiến trúc trong quần thể di tích kiến trúc thời Nguyễn ở Huế, gồm:

- Các thiên hồ biểu tượng thái cực, mặt trời, mặt trăng, các đao lửa... gắn ở chính giữa bờ nóc các kiến trúc trọng yếu trong Đại Nội và lăng tẩm các vua Nguyễn như: Ngọ Môn (Hình 22), Nhật Tinh Môn, Nguyệt Anh Môn, Hiển Lâm Các, Sùng Ân Điện (Hình 23), Biểu Đức Điện (Hình 24), Ngưng Hy Điện, Minh Lô; trên hai nghi môn ở hai đầu cầu Trung Đạo trong Đại Nội và trên những nghi môn phía trước mộ vua Minh Mạng (Hình 25) và mộ vua Thiệu Trị.

- Các đồ án rồng, giao, chim phượng, mây ngũ sắc... gắn ở hai đầu bờ nóc và ở các bờ quyết của cung điện, lầu gác, bi đình... tạo thành một dạng “đầu đao” đầy màu sắc (Hình 26, 27, 28), tăng thêm phần lộng lẫy cho các công trình kiến trúc.

- Các mảng trang trí phẳng vẽ phong cảnh, động thực vật, tứ quý, bát bửu... xen kẽ với các ô thơ chữ Hán theo kiểu thức trang trí “nhất thi, nhất họa”, tạo thành các dải cổ diềm bao quanh các lá mái và đầu hồi các cung điện, lầu tạ trong hoàng cung và nơi lăng tẩm (Hình 29, 30, 31, 32). Kiểu thức trang trí phẳng này cũng xuất hiện trên các nghi môn ở hai đầu các cầu: Trung Đạo (Đại Nội), Thông Minh Chính Trục (lăng Minh Mạng) (Hình 33), Chánh Trung (lăng Thiệu Trị)...

- Những bức tranh treo tường làm bằng pháp lam nguyên tấm, hoặc do nhiều mảnh pháp lam ghép lại mà thành. Điển hình là hai bức tranh liên hoàn treo trong nội thất Biểu Đức Điện, gồm hai bức tranh vẽ hoa điều bằng pháp lam, bốn bức tranh gương vẽ tĩnh vật theo lối phản họa và ba bức bằng gỗ sơn thếp, thếp vàng có các bài Hán văn khảm bằng ốc xà cừ, hợp thành. Trong loại hình này còn có những bức hoành, hay các cặp đối, liễn có chạm nổi chữ Hán ở giữa, xung quanh trang

biết trọng lượng từng cái trước khi nhập kho và trước khi phân phối cho các xưởng chế tạo đồ sành, pha lê và pháp lam. Văn kiện này cũng cho biết rằng ngoài xưởng chế tác pháp lam ở Huế, triều đình nhà Nguyễn còn mở xưởng pháp lam tại Ái Tử (Quảng Trị) và Đồng Hới (Quảng Bình).

trí cúc dây, dơi ngậm tua hoặc dơi ngậm kim tiền. Đôi khi, những bức hoành này còn được gắn lên các nghi môn phía trước các cung điện và lăng tẩm của các vua Nguyễn, trở thành những biển ngạch ghi tên công trình hoặc ghi những lời giáo huấn rút từ kinh sách của Nho giáo. Chẳng hạn, các biển ngạch đề các câu: *Chính đại quang minh* 正大光明; *Chính trực đẳng bình* 正直蕩平; *Cao minh du cửu* 高明悠久⁽²⁶⁾; *Trung hòa vị dục* 中和位育 gắn trên các nghi môn ở phía trước Thái Hòa Điện, hay hai biển ngạch đề câu *Chính đại quang minh* 正大光明 (Hình 33) và *Thông minh chính trực* 通明正直⁽²⁷⁾ ở trước mộ vua Minh Mạng .

Ngoài ra, các nghệ nhân thời Nguyễn còn chế tác pháp lam thành những chữ Hán riêng biệt rồi gắn lên nghi môn ở trước khu vực điện thờ vua Thiệu Trị. Nghi môn này làm bằng đá thanh, tọa lạc phía trước khu vực điện thờ, chính giữa nghi môn có biển ngạch làm bằng phiến đá thanh, có gắn bốn chữ Hán *Minh đức viễn hĩ* 明德遠矣, hai trụ hai bên có gắn đôi câu đối, cũng làm bằng pháp lam, hợp thành từ những chữ Hán riêng biệt. Những chữ Hán này thường được phủ men màu vàng hoặc màu xanh lam, trong khi những chữ Hán có trên những bức hoành phi hay biển ngạch làm bằng một tấm pháp lam nguyên mảnh thì thường được phủ men màu đen.

Các đồ án trang trí bằng pháp lam trên các công trình kiến trúc thường hợp thành từ những mảng / khối pháp lam có kích thước nhỏ hơn, được liên kết với nhau bằng các khung sắt hay các sợi dây đồng, tạo thành những đồ án trang trí theo những chủ đề nhất định. Màu sắc của pháp lam trang trí ngoại thất thường rất rực rỡ, với các gam màu: đỏ, hồng, vàng chanh, xanh lam... khiến cho các công trình kiến trúc vốn uy nghi, trầm mặc, được thêm phần tươi sáng, sinh động.

Việc bố trí các mảng / khối pháp lam trang trí trên các công trình kiến trúc tùy vào tầm vóc, quy mô và chức năng của các công trình kiến trúc đó, cũng như tùy thuộc hình dáng và kiểu thức trang trí thể hiện trên những mảng / khối pháp lam đó. Chẳng hạn, chỉ trên bờ nóc các cung điện chính mới gắn các đồ án pháp lam hình rồng, phụng, mặt trời, hạt châu, bầu thái cực; còn trên các cung điện nhỏ hoặc trên các nghi môn thì chỉ là những mảnh pháp lam hình đám mây ngũ sắc hay các con giao cách điệu. Tương tự, chỉ có dải cổ diềm ở các ngôi điện lớn hoặc ở mặt tiền các công trình kiến trúc quan trọng mới gắn các mảng / khối pháp lam trang trí

⁽²⁶⁾ Nguyên thủy, biển ngạch ở mặt ngoài nghi môn phía bắc cầu Trung Đạo ghi câu *Cao minh du cửu* 高明悠久. Dưới triều Khải Định (1916 - 1925), triều đình cho đổi câu này thành *Cư nhân do nghĩa* 居仁由義. Trong đợt trùng tu nghi môn này vào năm 2006, Trung tâm BTDT Cổ đô Huế đã phục nguyên bằng câu *Cao minh du cửu*.

⁽²⁷⁾ Biển ngạch đề câu 通明正直 (Thông minh chính trực) gắn trên một nghi môn ở phía trước mộ vua Minh Mạng đã bị hư hỏng nặng và rơi mất. Xem: Hoàng Thị Hương (2005). *Pháp lam thời Nguyễn ở Quần thể Di tích Cổ đô Huế*. Luận văn Thạc sĩ Lịch sử. Trường Đại học Khoa học Huế, tr. 35

đề tài bát bửu, tứ quý..., còn những vị trí khác ít quan trọng hơn thường chỉ trang trí các đề tài bình dị như hoa lá, chim muông (Hình 34).

3.2. Pháp lam là đồ gia dụng, đồ tế tự và đồ trang trí nội thất

Đây là loại hình pháp lam được bảo quản nhiều nhất tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế. Loại hình pháp lam này rất đa dạng và phong phú về cả dáng kiểu lẫn đề tài trang trí. Có thể xếp chúng vào bốn nhóm nhỏ:

- Nhóm thứ nhất là những vật dụng hàng ngày, như: tô, bát, chén, đĩa, khay, đồ uống trà, hộp đựng cau trầu, ống nhổ... (Hình 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46).

- Nhóm thứ hai là những món đồ tế tự, như: quả bông, bình dâng rượu cúng, coi thờ, tim đựng nước cúng, đỉnh hương, lọ hoa thờ, chân đèn... (Hình 47, 48, 49a, 49b, 50, 51, 52a, 52b, 53, 54, 55, 59).

- Nhóm thứ ba là những vật dụng để trang trí trong nội thất các cung điện, tôn miếu như: chóa lớn, đĩa treo tường, chậu chưng cành vàng lá ngọc, độc bình... (Hình 60, 61). Ngoài ra, trong nhóm này còn có những hiện vật pháp lam là những cặp đào tiên, quả lựu, quả phật thủ làm bằng kỹ thuật gò nổi trên một mặt phẳng, dùng để trang trí trên tường nhà, hoặc để gắn trên đầu các đôi câu đối treo trong các cung điện, lăng tẩm.

- Nhóm thứ tư là những món đồ phục vụ cho nhu cầu giải trí, thẩm mỹ, như: đầu hồ, hộp đựng phấn, hộp đựng nữ trang... (Hình 57, 58) .

Đề tài trang trí trên loại hình pháp lam này rất đa dạng, với các đề án hoa lá, triền chi, tứ linh, bát bửu, sơn thủy, nhân vật... Màu sắc dùng trong loại hình này rất phong phú, hội đủ tất cả các loại màu từ đơn sắc đến hòa sắc và có sự phân biệt trong cách sử dụng màu sắc giữa các nhóm pháp lam trong loại hình này: đối với các món đồ tế tự thì các màu: đỏ, vàng chanh, trắng, xanh đậm thường được sử dụng; đối với nhóm đồ gia dụng thì các màu lam, hồng tía, xanh lục, nâu nhạt... thường được thể hiện. Ngoài ra, còn có những hiện vật không được phủ men pháp lam toàn bộ, mà có những khoảng để trống, lộ rõ cốt đồng ở bên trong, hoặc được gắn thêm các chi tiết trang trí phụ làm bằng chất liệu khác như ngọc, đá mã não, thủy tinh màu (Hình 58).

Loại hình pháp lam này chủ yếu được chế tác dưới ba triều vua Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức, nhưng những sản phẩm pháp lam được đánh giá cao nhất về thẩm mỹ và kỹ thuật là pháp lam của triều Thiệu Trị. Vua Thiệu Trị chỉ trị vì bảy năm (1841 - 1847), song triều đại của ông lại nổi tiếng về những sản phẩm đồ sứ ký kiểu và đồ pháp lam tuyệt hảo. Những nét trang trí trên pháp lam triều Thiệu Trị rất sắc sảo, màu không bị nhòe và tạo được một cảm giác hài hòa, sống động.

Trong khi đó pháp lam triều Minh Mạng và triều Tự Đức lại thô và nước men thì ít mịn màng hơn.

Đặc biệt, pháp lam triều Minh Mạng, ngoài dòng men ngũ sắc còn có dòng men xanh trắng, có kiểu dáng và phong cách trang trí giống y đồ sứ kỷ kiểu thời Nguyễn, như bộ tìm chân cao, bộ coi thờ (thuộc sưu tập của Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế, Hình 47, 55), hay bộ tô vẽ long vân của nhà sưu tầm Trần Đình Nam ở Hưng Yên (Hình 41, 42, 43, 44, 45, 46)... là những món đồ đặc biệt quý hiếm, vì dòng đồ pháp lam xanh trắng chỉ được chế tác dưới triều Minh Mạng.

Ngoài các đồ án trang trí phổ biến như tứ linh, hoa điều... pháp lam triều Minh Mạng còn có những món đồ trang các đề tài phong cảnh sơn thủy, nhân vật, trong đó hình người ăn vận trang phục theo lối châu Âu (Hình 43a, 43b).

4. Có một dòng pháp lam kỷ kiểu thời Nguyễn

Khi nghiên cứu và thưởng ngoạn pháp lam Huế, có một điều khiến nhiều người băn khoăn - đó là chất lượng kỹ thuật và trình độ mỹ thuật thể hiện trên các sản phẩm pháp lam Huế rất khác nhau, nhất là khi so sánh các sản phẩm pháp lam là những đồ án hình rồng, mây, nhật nguyệt, đao lửa... trang trí trên các đầu đao, cổ diềm, bờ nóc... các cung điện ở Huế với các món sản phẩm thuộc loại hình *pháp lam trang trí nội thất*, hay với các món pháp lam thuộc loại hình *đồ gia dụng và đồ tế tự*.

Đặc biệt, có những nhóm pháp lam có cùng chức năng, cùng niên đại sản xuất và cùng đề tài trang trí, nhưng rất khác biệt về chất lượng men, chất liệu làm thai cốt, kỹ thuật và trình độ tạo hình, điển hình là khi so sánh các món pháp lam là đồ tế tự có hiệu đề *Minh Mạng niên chế* 明命年製 với các món có hiệu đề *Minh Mạng niên tạo* 明命年造. Vì lý do này mà hai học giả người Pháp là Gaide và Henry Peyssonneaux, trong bài viết *Les tombeaux de Hué: Prince Kiên Thái Vương* in trên *B.A.V.H.* vào năm 1925, đã phân biệt thuật ngữ *émaux d'Annam* (pháp lam Annam) với thuật ngữ *émaux faits pour l'Annam* (pháp lam làm cho Annam)⁽²⁸⁾ khi viết về các món pháp lam trang trí trong lăng Kiên Thái Vương.

Sau nhiều năm nghiên cứu pháp lam Huế, đặc biệt, sau khi trực tiếp khảo cứu những món pháp lam Quảng Đông đang trưng bày và bảo quản ở một số bảo tàng châu Âu như Bảo tàng Nghệ thuật Đông Á ở Berlin (Đức), Bảo tàng Dân tộc học Berlin (Đức), Bảo tàng Dân tộc học Muenchen (Đức), Bảo tàng Mỹ thuật Rennes (Pháp)... và so sánh với các món pháp lam của triều Nguyễn đang bảo quản tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế, tôi mạnh dạn kết luận rằng: **song song với việc chế tác pháp lam trong các quan xưởng ở Huế, Ái Tử và Đồng Hới, triều Nguyễn còn**

⁽²⁸⁾ Gaide et Henry Peyssonneaux (1925). "Bài đã dẫn", p. 32.

đặt làm các món pháp lam ở Quảng Đông, rồi cho khắc niên hiệu các vua nhà Nguyễn lên trên món đồ đặt làm này, khiến người đời sau lầm tưởng các món pháp lam này sản xuất ở Huế. Thực ra, đó là những món *pháp lam ký kiểu*.

Sở dĩ có chuyện này là vì những lý do sau:

- Mặc dù *Pháp lam Tượng cục* được thành lập vào năm 1827, nhưng do buổi đầu, việc tiếp thu và thực hành kỹ nghệ chế tác pháp lam của những lính thợ trong *Pháp lam Tượng cục* chưa được thành thực, hoàn hảo, nhân lực lại đang thiếu hụt, trong khi nhu cầu bày biện, trang trí, kiến thiết các cung điện, miếu vũ... dưới triều Minh Mạng rất lớn, nên cùng với việc sản xuất pháp lam ở trong nước, triều Nguyễn còn cử người sang Quảng Đông đặt làm những món pháp lam cao cấp, có kỹ thuật nung chế hoàn hảo và hình thức trang trí sắc sảo, để phục vụ những nhu cầu trọng yếu trong Hoàng cung Huế. Những món *pháp lam ký kiểu* này có chất lượng kỹ thuật và mỹ thuật hoàn hảo, vượt trội so với những món pháp lam chế tạo trong nước.

- Sau một thời gian hoạt động, với sự chỉ dẫn của các chuyên gia người Quảng Đông, các xưởng chế tác pháp lam của triều Nguyễn vào các đời vua Thiệu Trị, Tự Đức đã đủ sức làm ra những sản phẩm tinh xảo, có thể đáp ứng nhu cầu của triều đình và hoàng gia. Tuy nhiên, sau khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, đất nước lâm vào tình thế khó khăn, triều đình rối ren, nên việc điều hành các hoạt động sản xuất trong nước bị ngưng trệ; nhiều quan xưởng bị đóng cửa; các chuyên gia Quảng Đông đã về nước, kỹ nghệ chế tác pháp lam theo đó mà sa sút hẳn.

- Sau khi vua Đồng Khánh lên ngôi (1885), triều đình đã tìm cách phục hồi kỹ nghệ chế tác pháp lam, nhưng do bị đình trệ lâu ngày, thợ thuyền xiêu tán, tình hình tài chính eo hẹp, nên dù rất cố gắng nhưng kỹ nghệ chế tác pháp lam của triều Nguyễn vẫn tiếp tục sa sút. Trong khi đó, nhu cầu phải tái thiết, bài trí các cung điện trong hoàng cung và lăng tẩm các vua, đã bị cướp bóc và tàn phá nghiêm trọng sau sự kiện “Kinh đô Thất thủ” (5/7/1885), khiến triều đình Đồng Khánh phải một lần nữa cho người sang Quảng Đông “ký kiểu” pháp lam, để đáp ứng nhu cầu của triều đình. Sự hiện diện của rất nhiều chậu pháp lam cực kỳ tinh xảo, dùng để trưng bày “cảnh vàng lá ngọc” do triều Đồng Khánh phục chế (cảnh làm bằng gỗ thép vàng, lá làm bằng thủy tinh màu, để bù vào số cảnh vàng lá ngọc thật đã bị Pháp cướp), trong các cung điện, lăng tẩm ở Huế là những minh chứng.

Dưới đây là những minh chứng cho nhận định trên:

- *Về tư liệu*: Bài khảo cứu của Gaide và Henry Peyssonneaux đã dẫn trên đây, ở mục 2: *Émaillerie* (Đồ tráng men), các tác giả đã phân biệt hai thuật ngữ: “*Émaux d’Annam*” (Pháp lam Annam) và “*Émaux faits pour l’Annam*” (Pháp lam làm cho Annam) để chỉ hai loại pháp lam khác nhau: “*một loại gồm những mẫu thô, lớn và*

loại kia là những mẫu ít thô kệch hơn”.⁽²⁹⁾ Gaide và Henry Peyssonneaux khẳng định: “Tất cả những mẫu pháp lam thô lớn trang trí trên các bờ nóc, các con rồng, các cù giao nóc, cũng như các tấm pháp lam phẳng trang trí trên các phương môn của Hoàng cung, chắc chắn được chế tạo tại địa phương... Trong lúc đó, nếu các cây bút chuyên về nghệ thuật Annam, nếu các du khách thường gọi lại hình ảnh xứ Huế trong các tập hồi ức của họ và thường nói đến những đồ mỹ nghệ mà họ đã gặp ở xứ này, đều có nói đến “pháp lam Huế” trong tác phẩm của họ, thì không có điều gì có thể cho phép khẳng định chắc chắn rằng những đồ pháp lam được mệnh danh là ‘pháp lam Huế’ ấy thực sự là của Huế”.⁽³⁰⁾

Dù trưng ra những bằng chứng thu thập được “về việc tổ chức và thiết lập các Tượng cục, Võ Khố, những chỉ dụ của nhà vua, đặc biệt là của vua Minh Mạng, có đề cập đến những hạng lính thợ chế men làm việc trong các Tượng cục⁽³¹⁾, đến hiệu quả công việc, đến cách thức xếp đặt trong các Tượng cục đó”⁽³²⁾ để khẳng định việc triều đình Huế tổ chức sản xuất pháp lam tại Huế là điều hoàn toàn có thật, thì Gaide và Henry Peyssonneaux cũng thừa nhận rằng: “Như vừa đề cập, phải xem những mẫu đồ pháp lam được chế tạo tinh xảo như là những đồ do triều đình Annam ký kiểu ở Trung Quốc mang về... Việc đặt mua những đồ tráng men pháp lam, kiểu như các đồ trang điểm lăng mộ Kiên Thái Vương, cũng như đồ đang lưu giữ ở Nội Phủ, hiện vẫn còn được triều đình Huế đặt làm ở Quảng Đông, nhờ sự trung gian môi giới của các thương gia người Hoa ở Huế”⁽³³⁾.

- Về hiện vật: Bài viết của Gaide và Henry Peyssonneaux công bố năm 1925, dựa vào kết quả khảo sát khu lăng mộ Kiên Thái Vương, do vua Đồng Khánh cho xây dựng trong các năm 1886 - 1888, cho thấy ngoài những món đồ pháp lam làm ở Huế, vua Đồng Khánh đã đặt làm pháp lam ở Quảng Đông, đưa về Huế để trần thiết lăng mộ của thân phụ mình. Những mẫu pháp lam ký kiểu này được gắn trên nghi môn bằng đồng trước lăng, ở cổng bửu thành và trên bức bình phong án ngữ trước mộ. Sau hơn 120 năm tồn tại, phần lớn những mảng pháp lam này đã bị rơi

⁽²⁹⁾ Nguyên văn: “Ces deux appellation ‘Émaux d’Annam’ et ‘Émaux faits pour l’Annam’ désignent les deux séries, de grosses pièces et des pièces de moindre volume...”. Xem: Gaide et Henry Peyssonneaux (1925). “Bài đã dẫn”, p. 32.

⁽³⁰⁾ Gaide et Henry Peyssonneaux (1925). “Bài đã dẫn”, p. 33.

⁽³¹⁾ Âm chỉ Pháp lam tượng cục và Nê ngỗa tượng cục.

⁽³²⁾ Âm chỉ Pháp lam tượng cục và Nê ngỗa tượng cục. Xem: Gaide et Henry Peyssonneaux (1925). “Bài đã dẫn”, p. 34.

⁽³³⁾ Nguyên văn: “Ainsi qu’il vient d’être dit, il faut donc considérer comme provenant de commandes faites en Chine par la Cour d’Annam les pièces d’email de fabrication soignée... Des commandes d’objets en email, semblables comme formes à ceux qui agrémentent le tombeau de Kiên Thái Vương, ainsi qu’à ceux conservés au “Trésor” du Palais, sont encore faites de nos jours à Canton, pour la Cour de Huế, par l’entremise de commerçants chinois de la place”. Gaide et Henry Peyssonneaux (1925). “Bài đã dẫn”, p. 35.

rụng, mất mát và hư hỏng. May mắn là Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế còn lưu giữ được một vài chiếc đĩa pháp lam, vốn là đồ trang trí ở lăng Kiên Thái Vương (như chiếc đĩa ở hình 61), nên có thể chứng thực nhận định của Gaide và Henry Peyssonneaux về việc triều Nguyễn ký kiểu đồ pháp lam vào triều Đồng Khánh.

Như đã đề cập trên đây, việc triều đình Huế ký kiểu pháp lam ở Quảng Đông đã xảy ra từ đời Minh Mạng, lúc kỹ nghệ chế tác pháp lam mới mạnh nhen du nhập vào nước ta, chứ không phải đến triều Đồng Khánh mới có chuyện này. Các hiện vật dưới đây sẽ minh chứng cho nhận định này:

+ Hình 62 là chiếc đĩa được xác định là *pháp lam Huế*, vẽ đồ án *long vân* của một nhà sưu tập ở Thành phố Hồ Chí Minh. Niên đại chiếc đĩa này được xác định vào đời Minh Mạng do loại hình pháp lam men xanh trắng chỉ hiện hữu ở Việt Nam và chỉ xuất hiện dưới triều Minh Mạng. Con rồng trên chiếc đĩa này có năm móng, mang những đặc trưng của con rồng thời Nguyễn như: thân rồng uốn hình sin; các lớp vảy kép và vây lưng của con này rồng cùng một kiểu thức với vây và vây lưng của những con rồng thường gặp trong trang trí cung đình thời Nguyễn. Tuy nhiên, nó chưa thực sự là một con rồng Nguyễn hoàn toàn, vì đuôi, sừng và bờm của nó vẫn mang đậm nét đặc trưng của con rồng Trung Hoa thời Thanh. Theo tôi, đây là một trong những món *pháp lam ký kiểu* vào đầu triều Minh Mạng. Tuy phải thể hiện hình ảnh con rồng theo yêu cầu của người đặt hàng, nhưng dưới nét bút của các họa sĩ Trung Hoa, cốt cách của con rồng Tàu, dù được tiết chế, vẫn hiển hiện trong tâm thức người họa sĩ như một lẽ tự nhiên, khiến cho “con rồng ký kiểu” chưa thể trở thành một con rồng Nguyễn hoàn toàn.

+ Các hình 63a và 63b là chiếc hộp đựng cau trầu bằng pháp lam của Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế, hiệu đề *Minh Mạng niên tạo* 明命年造, nên được nhiều nhà nghiên cứu ở Huế nhìn nhận là một món “Pháp lam Huế”. Chiếc hộp trang trí hoa lá bằng men ngũ sắc trên nền men màu vàng chanh. Màu sắc, thủ pháp trang trí, kỹ thuật chế tác và một vài chi tiết hoa văn (bông hoa mẫu đơn màu đỏ) trên chiếc hộp này giống hệt chiếc đĩa pháp lam Trung Hoa thứ thiệt (Hình 64a), hiệu đề *Đại Thanh Càn Long niên chế* 大清乾隆年制 viết theo lối triện (Hình 64b) đang trưng bày ở Bảo tàng Nghệ thuật Đông Á (Berlin, Đức).

+ Hình 65 là chiếc hộp đựng cau trầu khác, hiệu đề *Minh Mạng niên tạo*, vẽ hoa lá bằng men ngũ sắc trên nền men màu xanh lam. Chiếc hộp trầu này cũng có màu sắc, thủ pháp trang trí, kỹ thuật chế tác thai cốt và một số chi tiết hoa văn (bông hoa, các ngọn lá, đặc biệt là đường hồi văn hình ngọn lá màu đen viền quanh vành miệng...) hoàn toàn giống với màu sắc, thủ pháp trang trí, các hoa văn và hồi văn trên chiếc đĩa pháp lam Trung Hoa (Hình 66) và chiếc bình đựng sữa pháp lam Trung Hoa (Hình 67), đều có niên đại Càn Long của Bảo tàng Dân tộc học Muenchen (Đức).

+ Hình 68 là chiếc chậu hoa loại nhỏ và hình 69 là chiếc chậu chưng *cành vàng lá ngọc*, đều thuộc sưu tập đồ Pháp lam Huế của Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế. Hình 70 là chiếc chậu pháp lam của Bảo tàng Mỹ thuật Rennes (Pháp) và hình 71 là chiếc chậu khắc đang rao bán trong gallery đồ cổ Asiatika Georg L. Hartle ở Muenchen (Đức), cũng là chậu chưng *cành vàng lá ngọc*, được các chuyên gia nước ngoài xác nhận là pháp lam Trung Hoa. Tương tự như khi so sánh những chiếc hộp đựng trà cau hiệu đề *Minh Mạng niên tạo* với các món pháp lam Trung Hoa bên trên, chúng ta dễ dàng nhận thấy những chiếc chậu này có những đặc điểm chung: hoặc về hình dáng; hoặc về thủ pháp trang trí; hoặc về màu sắc và kỹ thuật thể hiện màu men. Thậm chí cả độ dày của chúng cũng tương đương nhau, khiến chúng ta có thể kết luận rằng chúng được sản xuất cùng một nơi, cùng một kỹ thuật, trong cùng một thời kỳ.

+ Hình 72 là chiếc đĩa lót chén uống trà hình ngọn lá, đời Minh Mạng ; còn các hình 73a và 73b là bộ chén trà và đĩa lót chén uống trà hiệu đề *Minh Mạng* 明命, đều thuộc sưu tập của nhà nghiên cứu Philippe Truong ở Paris (Pháp). Hai chiếc đĩa lót chén uống trà này tương đương nhau về kích thước, hình dáng; nhưng chiếc đĩa trong hình 72 có nét vẽ sắc sảo hơn, màu sắc đẹp hơn và hoa văn giống hệt hoa văn trên chiếc đĩa pháp lam Trung Hoa (Hình 74) ở Bảo tàng Mỹ thuật Rennes (Pháp). Do vậy, tôi cho rằng bộ chén trà và đĩa lót chén uống trà trong các hình 73a và 73b là pháp lam làm ở Huế, còn chiếc đĩa lót chén uống trà trong hình 72 là pháp lam do triều Minh Mạng ký kiểu ở Trung Hoa.

+ Các hình 75a, 75b, 76a và 76b là hai hiện vật của Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế, đều là đồ pháp lam Huế chính thống, hiệu đề *Minh Mạng niên chế* 明命年製. Dem hai hiện vật này so sánh với những hiện vật pháp lam mang hiệu đề *Minh Mạng niên tạo* 明命年造 giới thiệu trên đây, dễ dàng nhận thấy các món đồ mang hiệu đề *Minh Mạng niên chế* này có nét vẽ “ngờ nghếch” hơn; chất lượng men màu kém hơn; thai cốt cũng mỏng hơn và trọng lượng của các món đồ này cũng nhẹ hơn hẳn so với các hiện vật có hiệu đề *Minh Mạng niên tạo*. Về mặt văn tự, hiệu đề *Minh Mạng niên chế* trên hai món pháp lam Huế chính thống được viết bằng men màu đỏ nổi trên lớp men nền màu trắng ngà theo lối *triện*, trong khi, hiệu đề *Minh Mạng niên tạo* lại được viết bằng men màu đen, chìm sâu dưới lớp men nền và viết theo kiểu chữ *chân*; kỹ thuật viết chữ trên món đồ này cũng tinh xảo hơn so với kỹ thuật viết chữ trên hai món đồ có hiệu đề *Minh Mạng niên chế*.

Từ những tư liệu và hiện vật đã dẫn chứng, tôi cho rằng:

- Song song với việc chế tác pháp lam ở Huế, dưới các triều vua Minh Mạng và Đồng Khánh, tức là giai đoạn sơ kỳ và mạt kỳ của kỹ nghệ chế tác pháp lam Huế, ngoài việc chế tác pháp lam ở Huế, chủ yếu là sản xuất các tấm / mảng pháp lam trang trí ngoại thất và một số đồ pháp lam gia dụng đơn giản, triều Nguyễn

còn đặt làm những sản phẩm pháp lam chất lượng cao ở Quảng Đông để phục vụ những nhu cầu quan trọng trong cung (những hiện vật trong các hình 62, 63a, 65, 68, 72 là minh chứng). Những sản phẩm pháp lam này tuy làm ở Trung Hoa nhưng tuân thủ các yêu cầu về kiểu dáng, hoa văn, họa tiết... do triều Nguyễn đặt hàng nên có thể gọi đó là *pháp lam ký kiểu* của triều Nguyễn.

- Hiệu đề trên pháp lam Huế chính thông thường viết theo lối chữ *triện*, dùng chữ "... *niên chế*"; còn hiệu đề trên đồ pháp lam ký kiểu thường viết theo lối chữ *chân*, dùng chữ "... *niên tạo*". Có lẽ do vậy mà vào năm 1925, Gaide và Henry Peyssonneaux đã phân biệt các thuật ngữ: "*Émaux d'Annam*" (Pháp lam Annam) và "*Émaux faits pour l'Annam*" (Pháp lam làm cho Annam) trong bài khảo cứu đầy thú vị của họ, như một sự phân biệt giữa *pháp lam Huế* và *pháp lam ký kiểu* thời Nguyễn.

Cũng cần lưu ý rằng, không riêng gì pháp lam, các vua nhà Nguyễn từ Gia Long cho đến Khải Định đều có thói quen ký kiểu đồ sứ, đặt làm tranh gương ở Trung Quốc, đưa về trưng bày và sử dụng trong Hoàng cung Huế. Đặc biệt, vua Minh Mạng không chỉ ký kiểu đồ sứ ở Trung Quốc mà còn đặt mua các bộ đồ uống trà hiệu đề *Spode* ở Anh, đem về Việt Nam vẽ thêm hoa văn và đề thêm niên hiệu của vua Minh Mạng rồi nung hấp thêm một lần nữa để sử dụng. Vua Minh Mạng còn ký kiểu tại lò Copeland & Garrett (Anh) năm chiếc bình vôi làm bằng sành xốp, trang trí theo lối chuyển họa, đưa về Huế để dùng⁽³⁴⁾; vua Thiệu Trị thì đặt làm các bộ đồ uống trà từ lò Sevres (Pháp) rồi cho khắc thêm dòng lạc khoản *Thiệu Trị nguyên niên phụng chế* 紹治元年奉制 lên món đồ trước khi đem ra dùng.

5. Lời kết

Lịch sử khai sinh, tồn tại, phát triển, suy thoái và thất truyền của pháp lam Huế kéo dài chỉ hơn 60 năm (1827 - 1888), trong khi, lịch sử tồn tại và phát triển của kỹ nghệ chế tác pháp lang Trung Hoa kéo dài hơn 700 năm, khởi nguyên từ thế kỷ XIII, khi vó ngựa viễn chinh của quân Mông Nguyên tràn vào Trung Nguyên, và đến nay vẫn rất hưng thịnh. Vì thế, kỹ nghệ chế tác pháp lang của Trung Hoa, từ tạo dáng, chế men, pha màu, thủ pháp trang trí, kỹ thuật nung đốt... đều hơn hẳn pháp lam Huế của triều Nguyễn.

Tuy nhiên, có một điều có thể khẳng định là triều Nguyễn đã ứng dụng kỹ nghệ pháp lam vào cuộc sống **sáng tạo hơn** người Trung Hoa. Trong khi người Trung Quốc, người Nhật Bản, cũng như người phương Tây, chỉ coi *pháp lang* / *shipouyaki* / *email* / *painted enamels* như một thứ chất liệu để sản xuất ra các vật dụng sinh hoạt, thờ tự hay những món đồ lưu niệm xinh xắn, thì các nghệ nhân pháp lam thời Nguyễn đã vận dụng pháp lam như một loại vật liệu kiến trúc trong

⁽³⁴⁾ Những cổ vật này nay vẫn còn bảo quản và trưng bày ở một số bảo tàng Việt Nam và nước ngoài như: Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh, Bảo tàng Lịch sử và Nghệ thuật Hoàng gia của Vương quốc Bỉ...

công cuộc kiến thiết các cung điện lăng tẩm ở Huế. Họ đã biết lợi dụng tính chất bền vững trước các tác động cơ - lý - hóa của chất liệu pháp lam để tạo thành các đồ án trang trí, gắn lên ngoại thất các công trình kiến trúc, vốn được xây dựng trong một vùng đất có khí hậu và thời tiết khắc nghiệt. Nhờ vậy mà trải qua hơn 200 năm tồn tại, các đồ án trang trí pháp lam trên các công trình kiến trúc ở Huế vẫn tươi nguyên màu sắc, khiến cho các di tích ở Huế bớt đi vẻ u buồn, trầm mặc, mà giữ nguyên nét son lộng lẫy giữa một Cố đô rêu phong cổ kính. Đây là một thành tựu của pháp lam Huế so với các loại hình pháp lang khác trên thế giới.

Pháp lam Huế ra đời vào khoảng đầu thế kỷ XIX trong bối cảnh Việt Nam chưa tiếp xúc với những lý thuyết khoa học về màu sắc của phương Tây, thế nhưng các nghệ nhân chế tác pháp lam Huế đã đạt được một thành tựu to lớn về nghệ thuật sử dụng màu. Cổ họa sĩ Phạm Đăng Trí đã nhận xét: *“Các nghệ sĩ làm pháp lam ở Huế đã sớm biết gia giảm liều lượng đậm nhạt, nóng lạnh của màu sắc đến độ tinh vi, đã sáng tạo ra những phương thức dùng mảng, dùng màu và phát hiện ra những hòa sắc tương phản rất là chính xác... Pháp lam Huế chứa đựng những màu sắc tươi sáng, lộng lẫy, có cường độ mạnh nhưng vẫn quen mắt, như các hòa sắc điển hình thường hiện ra trong cuộc sống, thường được phản ánh trong nghệ thuật Huế thuở ấy”*⁽³⁵⁾. Đó là nhận xét xác đáng nhất về pháp lam Huế, về những đóng góp của pháp lam Huế đối với nền nghệ thuật, đặc biệt là hội họa Việt Nam vào thế kỷ XIX.

T.Đ.A.S.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Gaide et Henry Peyssonneaux (1925). *“Les tombeaux de Hué: Prince Kiên Thái Vương”*. B.A.V.H., No. 1.
2. Hoàng Thị Hương (2005). *Pháp lam thời Nguyễn ở Quần thể Di tích Cố đô Huế*. Luận văn Thạc sĩ Lịch sử. Trường Đại học Khoa học Huế.
3. Jessica Rowson (2005). *The British Museum Book of Chinese Art*. British Museum.
4. Lý Tân Thới (2003). “Nói thêm về đồ Cảnh Thái lam, Pháp lam, Pháp lang”. *Tạp chí Xưa Nay*. Số 146. Tháng 8.
5. Musée de l'Union Centrale des Arts Decoratifs (1998). *Cloisonnés de chinois - Guide des collections de Musée des Arts Decoratifs*. Paris.
6. Phạm Đăng Trí (1982). “Quanh các pháp lam Huế, suy nghĩ về màu sắc”. *Tạp chí Nghiên cứu Nghệ thuật*. Số 3 (44).
7. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1964). *Đại Nam thực lục*. (Tổ biên dịch Viện Sử học). Tập IV. Nxb Khoa học. Hà Nội.
8. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1965). *Đại Nam thực lục*. (Tổ biên dịch Viện Sử học). Tập VIII. Nxb Khoa học. Hà Nội.

⁽³⁵⁾ Phạm Đăng Trí (1982). “Quanh các pháp lam Huế, suy nghĩ về màu sắc”. *Tạp chí Nghiên cứu Nghệ thuật*. Số 3 (44), tr. 40.

9. Richard Orband (1917). “Les Đầu Hồ du tombeau de Tu Đức”. *B.A.V.H.*, No. 2.
10. Trần Đình Sơn (2005). “Ngắm pháp lang Bắc Kinh, nhớ về pháp lam Huế”. *Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế*. Tập IV, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế xuất bản.
11. Trần Đức Anh Sơn (1997). “Nghệ thuật pháp lam Huế”. *Thông tin Khoa học và Công nghệ*. Số 1.
12. 陈丽华 (2002). 故宫藏金属胎珐琅器. 紫禁城出版社. 北京画中国画印刷有限公司印刷, 新华书店北京发行所发行.

TÓM TẮT

Trong số các di sản văn hóa do triều Nguyễn (1802-1945) lưu lại ở Cố đô Huế, nổi bật nhất là pháp lam Huế. Đây là một loại vật liệu kiến trúc men sứ và mỹ thuật, cốt làm bằng đồng, bên ngoài có tráng nhiều lớp men nhiều màu; tính năng chịu đựng các tác động ngoại lực, nhiệt độ, tác hại của mưa nắng và thời gian rất cao. Vì thế, loại vật liệu này thường được sử dụng để tạo thành các đồ án trang trí hình khối gắn trên đầu đao, đỉnh nóc, bờ quyết các cung điện; hoặc tạo thành các mảng trang trí phẳng, có hình vẽ phong cảnh, hoa cỏ, chim muông, thơ văn chữ Hán..., thường được gắn trên các dải cổ diềm ở bờ nóc hay bờ mái các cung điện, trên các nghi môn trong hoàng cung và lăng tẩm các vua triều Nguyễn ở Huế.

Mặc dù việc nghiên cứu pháp lam Huế đã diễn ra từ hơn 40 năm qua, tuy nhiên các nhà nghiên cứu về pháp lam vẫn không tán đồng trong nhiều vấn đề, như: nguồn gốc danh xưng pháp lam; đặc điểm kỹ thuật và mỹ thuật của pháp lam; việc phân lập các loại hình pháp lam thời Nguyễn ở Huế. Thậm chí, vẫn có ý kiến băn khoăn liệu pháp lam có thực sự được sản xuất tại Kinh đô Huế thời Nguyễn? Hay đó là sản phẩm ngoại nhập?

Từ những nguồn tư liệu mới được thu thập, kết hợp với những nghiên cứu về pháp lam trong các bảo tàng và các sưu tập tư nhân ở châu Âu và Trung Quốc, tác giả bài viết đưa ra những nhận định tổng quát và những kiến giải mới về pháp lam Huế.

ABSTRACT

OVERVIEW OF HUẾ PAINTED ENAMEL AND ITS NEW PERCEPTION ON THE NGUYỄN DYNASTY

Among the cultural heritage of the Nguyễn Dynasty (1802-1945) in Huế Ancient Capital, the most prominent was pháp lam Huế (Huế painted enamels). Pháp lam Huế is architectural, pottery and art material with copper core body coated with layers of enamels in different colors; due to their ability to withstand external forces of warming and rain and passing time, these enamels were used to decorate the rooftops and ridges of the royal palaces. They also appear in decorative panels depicting scenery, flowers and trees, birds and literary works on wall panels between the upper and the lower roofs of palaces, or on gates in royal palaces and tombs of the Nguyễn Kings in Huế.

The study of pháp lam Huế has been carried out over the past 40 years, researchers have yet to agree on a number of issues such as: What kind of technique does pháp lam Huế belong to? Is it called pháp lam or pháp lang? Even the question whether pháp lam Huế were manufactured in Huế, Vietnam, or elsewhere in Asia remains controversial.

From new sources collected, combined with research on enamels in museums and private collections in Europe and China, the author gives general comments and its new explication.